

QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA VỢ VÀ CHỒNG TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI CHĂM HỒI GIÁO Ở AN GIANG (Trường hợp ấp Hà Bao 2, An Giang)

NGUYỄN ĐẶNG MINH THẢO*
PHẠM THỊ NGỌC ĐIỆP**

Bài viết vận dụng lý thuyết phân bổ nguồn nhân lực tương đối, cách tiếp cận tương đối văn hóa trong phân tích các yếu tố tác động đến quyền quyết định của người vợ và người chồng trong gia đình người Chăm Hồi giáo ở An Giang. Kết quả phân tích cho thấy, nam giới là người quyết định chính những việc “lớn”, “quan trọng”, điều đó cho thấy quyền quyết định của người chồng vẫn là một chuẩn mực ít thay đổi, cho dù có yếu tố văn hóa ảnh hưởng bởi chế độ mẫu hệ của người Chăm.

Từ khóa: quyền quyết định, người quyết định chính, người Chăm, công việc gia đình
Nhận bài ngày: 17/9/2021; *đưa vào biên tập:* 19/9/2021; *phản biện:* 11/10/2021; *duyet đăng:* 02/12/2021

1. MỞ ĐẦU

Quyền quyết định là một chỉ báo quan trọng về địa vị và quyền lực của vợ và chồng trong gia đình. Phân tích quyền quyết định là một trong những nội dung không thể thiếu trong nghiên cứu bình đẳng giới trong gia đình Việt Nam nói chung và trong gia đình người dân tộc thiểu số nói riêng.

Cộng đồng người Chăm ở An Giang ảnh hưởng hệ tư tưởng văn hóa Chăm và giáo lý Hồi giáo, con cái tính theo dòng họ mẹ (Phan Xuân Biên và cộng sự, 1991: 207). “Người đàn ông là trụ cột của gia đình trên đàn bà bởi vì Allah ban cho người này sức lực hơn người kia và bởi vì họ chi dùng tài sản của họ vào việc cấp dưỡng gia đình. Do đó người đàn bà đức hạnh

nên phục tùng chồng và trông coi (nhà cửa) trong lúc chồng vắng mặt với sự giúp đỡ và trông chừng của Allah” (Koran 4: 34).

Tuy nhiên, do tác động của toàn cầu bởi tư tưởng bình quyền ở phương Tây, các phong trào thúc đẩy quyền và giải phóng phụ nữ cũng như các phong trào tăng quyền năng kinh tế cho phụ nữ (Knodel, Vu, Jayakody and Vu, T.H. 2004) cùng sự phát triển kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam, và sự ra đời Luật Bình đẳng giới năm 2006 nên vấn đề bình đẳng giới trong gia đình người Chăm ít nhiều có sự thay đổi. Câu hỏi đặt ra là quyền quyết định trong gia đình người Chăm Hồi giáo ở An Giang hiện nay bị tác động bởi những yếu tố nào, liệu quyền quyết định khác nhau của người chồng hay người vợ dựa trên

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

** Học viên Trường Đại học Tôn Đức Thắng

cơ sở giới tính hay vì một lý do nào khác. Qua nguồn số liệu điều tra cộng đồng người Chăm ở An Giang, bài viết sẽ làm sáng tỏ vấn đề này.

2. NGUỒN SỐ LIỆU, LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

Bài viết dựa trên kết quả khảo sát định lượng 100 hộ gia đình người Chăm có người đang làm ăn xa hoặc đã trở về địa phương theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống và khảo sát định tính 10 trường hợp hộ gia đình, cán bộ xã/ấp và người có chức sắc tôn giáo tại ấp Hà Bao 2, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào tháng 3/2021.

Lý thuyết phân bổ nguồn lực tương đối (Blood, Wolfe, 1978) cho rằng giữa vợ và chồng ai có nhiều nguồn lực hơn sẽ có nhiều quyền lực hơn trong gia đình. Sự tham gia của người vợ và người chồng vào quá trình ra quyết định đối với các công việc của gia đình phản ánh cán cân quyền lực giữa họ. Các nguồn lực thường được đo bằng trình độ học vấn, thu nhập và uy tín nghề nghiệp mà người đó đang làm. Tuy nhiên, lý thuyết này không tính đến việc một số quyết định thường dựa trên cơ sở những thuận lợi vốn có hơn là khả năng có/sở hữu hay tiếp cận được nguồn lực hay không. Ví dụ, việc quyết định các chi tiêu hàng ngày thường thuộc về phụ nữ, vì họ chứng tỏ được mình là người giỏi hơn trong việc mua bán. Lý thuyết này cũng bỏ qua ảnh hưởng yếu tố văn hóa tới tiếng nói của phụ nữ và nam giới trong các quyết định

gia đình. Vì thế, cách tiếp cận tương đối văn hóa trong phân tích các yếu tố tác động đến quyền quyết định của người vợ và người chồng trong gia đình được sử dụng trong nghiên cứu này. Lý giải về quyền quyết định của người vợ và người chồng trong gia đình, yếu tố văn hóa (thường được thể hiện qua sự khác biệt về dân tộc trong cộng đồng, phong tục tập quán, những đặc trưng về lịch sử/văn hóa) có vai trò quan trọng. Vì những yếu tố này có thể ảnh hưởng đến việc giữa vợ và chồng ai là người có quyền lực hơn, và ai dễ dàng thuyết phục hơn trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến các công việc trong gia đình. Trong công trình nghiên cứu kinh điển về gia đình và hệ thống xã hội, Bott (1957) cho rằng mỗi người vợ và chồng có những thế giới xã hội và công việc tách biệt, khác nhau, chỉ gắn với nhau bằng những trách nhiệm và quyền hạn qua lại với nhau. *Từ điển xã hội học Oxford* (2010: 644) cho biết người vợ: chịu trách nhiệm về việc nhà, chăm sóc con cái, chồng thường có trách nhiệm chăm lo cho gia đình về mặt tài chính và làm các việc nặng ở nhà. Yếu tố quan niệm giới về phân công lao động và quyền quyết định trong gia đình cũng được dùng để phân tích gián tiếp tư tưởng giới trong bài viết này.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết phân tích về: (i) Việc làm chính, đóng góp kinh tế và quyền quyết định của nam và nữ trong lĩnh vực việc làm; (ii) Người quyết định chính trong các

công việc cụ thể của gia đình và các yếu tố đã ảnh hưởng đến quyền quyết định của người vợ và người chồng trong các gia đình dân tộc thiểu số, nhằm thúc đẩy các biện pháp tăng cường cơ hội có tiếng nói, và bình đẳng giới của người vợ trong tương quan với người chồng về các quyết định liên quan đến đời sống gia đình.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA VỢ CHỒNG TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI CHĂM HỒI GIÁO Ở AN GIANG

3.1. Yếu tố việc làm

Ấp Hà Bao 2 (Đa Phước, An Phú, An Giang) có 455 hộ người Chăm Hồi giáo, khoảng 1.993 nhân khẩu, đa số buôn bán rong ở các tỉnh/thành khác trên toàn quốc (Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, 2020).

Việc làm chính hiện nay của người từ 15 tuổi trở lên theo mẫu khảo sát, có 39,9% tham gia buôn bán - dịch vụ, 15,7% làm công nhân, 13,9% là nội trợ, 9,5% là lao động giản đơn/thời vụ, nhóm ngành nghề khác rất ít. Người Chăm buôn bán các mặt hàng nhu yếu phẩm, thiết bị điện tử ở các chợ nông thôn vùng sâu vùng xa, có người (nam giới) đến các nước lân cận có người Chăm để buôn bán.

Trước kia, hộ gia đình nào có xuống/ghe thì họ đem theo cả vợ con, còn hiện nay họ đã đổi sang phương tiện xe máy/xe khách, thường mỗi

chuyến đi từ 15 ngày đến một tháng, có khi 2-3 tháng.

Theo giáo luật Islam, người chồng là trụ cột kinh tế trong gia đình, đảm nhận trách nhiệm kiếm tiền nuôi gia đình, người vợ chủ yếu làm công việc nội trợ, chăm sóc con cái. Việc đi lại của người phụ nữ phải có sự cho phép và đi kèm của những người đàn ông hoặc người lớn tuổi (Võ Thị Mỹ, 2015). Uy quyền và vị thế của nam giới vẫn tồn tại trong chế độ mẫu hệ Chăm.

Các nghiên cứu của Nguyễn Thị Nhung (2003), Võ Công Nguyên (2011), Lê Thanh Sang (2016) cho thấy hai thập niên gần đây, nữ giới có tham gia thị trường việc làm, có đóng góp thu nhập vào gia đình. Điều này, xét theo giáo luật Islam đã giảm sự

Bảng 1. Nghề nghiệp chính hiện nay của những người từ 15 tuổi trở lên chia theo giới tính (%)

	Nam	Nữ	Tính chung
Buôn bán - dịch vụ	41,9	38,1	39,9
Công nhân	14,7	16,8	15,7
Nội trợ	3,7	23,9	13,9
Lao động giản đơn/thời vụ	14,7	4,6	9,5
Không làm việc/thất nghiệp	5,8	6,1	5,9
Học sinh/sinh viên/học nghề	5,8	4,6	5,2
Già/không có khả năng lao động	3,7	4,6	4,1
Nông dân	6,8	0,5	3,6
Nhân viên các doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước	2,1	1,0	1,5
Khác	1,0	0,0	0,5

Nguồn: Xử lý từ kết quả khảo sát đề tài tháng 3/2021.

nghiêm ngặt đối với phụ nữ, chỉ cần đảm bảo việc đi lại và tiếp xúc của nhóm nữ đối với nam giới phải tế nhị và thận trọng (Anh Zu, người Chăm,

sinh 1980) (Fahd Salem Bahamman, 2014: 198).

So sánh ở góc độ giới về nghề nghiệp chính, ở nhóm nghề buôn bán - dịch vụ, mặc dù tỷ lệ nam giới tham gia nhiều hơn, nhưng tỷ lệ nữ giới không phải quá thấp (41,9%; 38,1%), ở nhóm công nhân thì tỷ lệ nữ giới tham gia cao hơn (16,8%; 14,7%) (Bảng 1). Nếu tính chung tất cả các nhóm ngành nghề, có hơn 80% nam giới và hơn 60% nữ giới tham gia vào thị trường lao động, hơn 23% nữ giới không tham gia tạo thu nhập mà chỉ ở nhà nội trợ.

Theo kết quả khảo sát, nữ giới tham gia thị trường lao động ngày càng tăng, nguyên nhân một phần do đàn ông không thể gánh vác hết kinh tế gia đình. *“Buôn bán hiện nay không dễ dàng như thời cha mẹ chúng tôi nữa, hiện nay buôn bán cạnh tranh hơn, nhưng các mặt hàng lại ế ẩm hơn, do người mua có nhiều nguồn mua hơn, hiệu quả kinh doanh ngày càng giảm sút, thu nhập không còn ổn định, trong khi nhu cầu chi tiêu khá cao”* (PVS, Zu, nam, sinh năm 1976; Naoh, nam, sinh năm 1980; Kah, nam, sinh năm 1979, ấp Hà Bao 2).

Trong mẫu khảo sát này, hiện có 153 nhân khẩu đang đi làm ăn xa ở các tỉnh khác, trong đó có 104 nam, 49 nữ. Tỷ lệ nữ giới đi xa gia đình làm việc tăng nhanh liên tục, nếu trước năm 2010 tỷ lệ chỉ chiếm 12,5% thì từ sau năm 2015 đến nay đã tăng hơn gấp 5 lần (65,9%), và thời gian di cư từ năm 2010 đến năm 2014 ở nhóm nữ cao

gấp đôi so với nam giới (Bảng 2). Có thể thấy, vai trò, vị thế của phụ nữ Chăm đã phần nào được khẳng định qua việc rời khỏi nhà, tham gia vào thị trường lao động và đóng góp cho kinh tế gia đình trong những năm gần đây.

Bảng 2. Khoảng thời gian đi làm ăn xa của các thành viên trong các hộ gia đình khảo sát chia theo giới tính (%)

	Nam	Nữ	Tính chung
Trước 2010	11,7	12,5	12,0
Từ 2010 - 2014	11,7	21,6	15,6
Từ 2015 đến nay	76,6	65,9	72,4

Nguồn: Xử lý từ kết quả khảo sát đề tài tháng 3/2021.

Đặc thù sinh kế chính của người Chăm là đi buôn bán ở các địa phương khác gửi tiền về nhà cho gia đình. Kết quả cho thấy, gần 90% trong số họ gửi tiền về nhà hàng tháng, không có sự khác biệt đáng kể về giới (nam 87,4%; nữ 89,1%). Số tiền trung bình hàng tháng gửi về khoảng 1.680.000 đồng, số tiền trung bình hàng tháng nam giới gửi nhiều hơn nữ giới (1.750.000 đồng; 1.530.000 đồng). Các hộ gia đình được phỏng vấn cho biết, nam giới chủ yếu là đi buôn bán rong, việc thay đổi chỗ ở thường xuyên và ở vùng sâu vùng xa nên họ thường mang tiền về sau chu kỳ 2-3 tháng hoặc đến tháng chay khi họ trở về. Còn nữ giới, do chọn những công việc cố định như làm công nhân ở các tỉnh/thành nên chỗ ở ổn định, lương bổng ổn định, và việc gửi tiền về cũng thuận tiện hơn nam giới.

Bảng 3. Tỷ trọng (%) số tiền gửi về cho gia đình so với tổng thu nhập của người đi làm ăn xa chia theo giới tính

	Nam	Nữ
Dưới 20%	24,5	16,7
20 - Dưới 40%	3,8	20,0
40- Dưới 60%	49,1	36,7
60 - Dưới 80%	11,3	13,3
80-100%	11,3	13,3

Nguồn: Xử lý từ kết quả khảo sát đề tài tháng 3/2021.

Kết quả khảo sát, xét về tỷ trọng trong số tiền gửi về cho gia đình so với tổng thu nhập của những người đi làm ăn xa cho thấy, phần lớn thu nhập được gửi về cho gia đình. Nhóm gửi từ 40 - dưới 60% thu nhập thì tỷ lệ nam giới cao hơn nữ giới, nhưng nhóm gửi từ 60 đến dưới 80% và từ 80 đến 100% thì nữ giới cao hơn nam giới (Bảng 3). Điều này cho thấy, nữ giới người Chăm cũng có những đóng góp, hỗ trợ cho kinh tế hộ gia đình thông qua tiền gửi từ quá trình đi làm ăn xa.

Sự tham gia của phụ nữ vào thị trường lao động, đã tạo cho phụ nữ có điều kiện đóng góp vào nguồn thu nhập chung của gia đình. Do nhu cầu mưu sinh, phụ nữ Chăm đã vượt qua vai trò vốn được xã hội truyền thống áp đặt cho họ. Họ không còn tự giới hạn mình theo các quy định khắt khe của giáo luật Hồi giáo. Nhờ có việc làm họ đã “thoát” ra khỏi gian bếp chật hẹp và thậm chí vượt ra cả cộng đồng “khép kín” để tham gia vào các hoạt động sản xuất, tạo thu nhập cho bản thân và gia đình.

Phụ nữ đã lập gia đình cũng có việc làm, có thu nhập riêng, vai trò trụ cột kinh tế gia đình không còn đè nặng lên vai người chồng: *“Trong gia đình tôi, cả hai vợ chồng đều đi làm, để có thu nhập cho gia đình. Cuộc sống bây giờ cần có nhiều khoản chi cần chi và tốn kém, nếu như chỉ có chồng tôi đi làm thì gia đình sẽ khó khăn hơn, tôi được đi làm thì sẽ chia sẻ được gánh nặng cho chồng”* (PVS hộ dân, ấp Hà Bao 2, nữ, sinh năm 1968).

Tuy nhiên, việc ra ngoài đi làm của nữ giới – người vợ vẫn phải có sự đồng ý hoặc cho phép của nam giới – người chồng: *“Truyền thống hồi đó truyền lại là phụ nữ ít được ra ngoài lắm, bây giờ kinh tế phát triển thì phụ nữ cũng bung ra đi làm công nhân, buôn bán gần gần hoặc là kiếm công việc nào đó giúp cho gia đình vậy thôi, chứ không phải nguồn thu chính, chỉ là phụ với chồng thôi”* (PVS trường ấp Hà Bao 2, nam, sinh năm 1980); *“Nhóm gia đình trẻ, nếu vợ muốn đi làm công nhân ở đâu, thì phải có sự thống nhất của người chồng, đồng ý cho phép đi thì mới đi, còn nếu người chồng không cho đi, thì vợ cũng không được đi”* (PVS hộ dân, ấp Hà Bao 2, nữ, sinh năm 1996).

3.2. Yếu tố khác

Ở Việt Nam, các tác giả như Mai Huy Bích và Lê Thị Kim Lan (1999) chỉ ra rằng ở nhiều gia đình, trong khi người vợ là người đảm nhận hầu hết các công việc gia đình và là người mang thu nhập chính về cho gia đình, nhưng

quyền quyết định các công việc của gia đình chính là người chồng, người vợ chỉ là người thực hiện các quyết định đó. Điều đó cho thấy, yếu tố văn hóa với quan niệm “trọng nam khinh nữ”, “nam giới là trụ cột kinh tế” “phụ nữ làm công việc nội trợ gia đình” đã tác động đến vai trò của vợ và chồng trong việc ra quyết định.

Các công việc quan trọng trong gia đình theo phân tích này bao gồm: thay đổi hoạt động sản xuất kinh doanh; mua bán, sửa chữa nhà cửa; mua sắm đồ dùng lâu bền, đắt tiền; việc học của con cái; lựa chọn ngành nghề/việc làm của con cái, tổ chức ma chay trong gia đình; dựng vợ gả chồng cho con cái (Bảng 3).

Cũng là các công việc như trên, nếu so sánh với kết quả Điều tra gia đình Việt Nam 2006 (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan khác, 2008),

cho thấy có một xu hướng biến đổi tích cực về mối quan hệ giữa người chồng và người vợ trong vấn đề ra quyết định chính. Mặc dù, các công việc quan trọng của gia đình vốn do người chồng quyết định là chủ yếu, thì ở kết quả này đối với công việc mua sắm đồ dùng lâu bền, đắt tiền thì tỷ lệ người chồng quyết định giảm đi, và các công việc như thay đổi hoạt động sản xuất kinh doanh, lựa chọn ngành nghề/việc làm của con cái, dựng vợ gả chồng cho con cái lại tăng tỷ lệ cả hai vợ chồng cùng quyết định rõ rệt. Số liệu Bảng 4 cho thấy quyền quyết định cuối cùng những vấn đề quan trọng phần lớn thuộc về người chồng, nếu các hộ gia đình thiếu vắng người chồng (chủ hộ) do đi làm ăn xa, thì người vợ cũng sẽ thông tin và chờ đợi sự chấp thuận từ chồng.

Bảng 4. Người quyết định chính các công việc quan trọng của gia đình (%)

Các loại công việc	Người vợ	Người chồng	Cả hai vợ chồng
Chi tiêu ăn uống	70,9	15,1	14,0
Mua sắm quần áo	52,3	20,5	27,2
Mua sắm đồ dùng lâu bền, đắt tiền	45,3	28,8	25,9
Mua/làm/sửa chữa nhà cửa; và mua bán nhà đất	24,4	61,6	14,0
Việc học của con cái	27,9	34,2	37,9
Thay đổi hoạt động sản xuất kinh doanh	23,3	30,1	46,6
Lựa chọn ngành nghề/việc làm của con cái	9,3	15,1	75,6
Dựng vợ gả chồng cho con cái	18,6	24,7	56,7
Tổ chức ma chay trong gia đình	26,7	37,0	36,3

Nguồn: Xử lý từ kết quả khảo sát đề tài tháng 3/2021.

Bảng 5. Ý kiến về vai trò của người phụ nữ và người đàn ông trong việc tham gia các hoạt động kinh tế đem lại thu nhập cho gia đình nhiều hơn (%)

	NGƯỜI PHỤ NỮ			NGƯỜI ĐÀN ÔNG		
	Người chồng	Người vợ	Tổng	Người chồng	Người vợ	Tổng
Hoàn toàn đồng ý	4,0	5,4	5,1	28,0	24,3	25,3
Khá đồng ý	4,0	5,4	5,1	0,0	4,1	3,0
Đồng ý	56,0	58,1	57,6	64,0	64,9	64,6
Đồng ý một phần	28,0	25,7	26,3	8,0	4,1	5,1
Rất không đồng ý	8,0	2,7	4,0	0,0	2,7	2,0
Không biết, không ý kiến	0,0	2,7	2,0	0,0	0,0	0,0

Nguồn: Xử lý từ kết quả khảo sát đề tài tháng 3/2021.

Chúng tôi phỏng vấn một chị (sinh năm 1996) vừa sinh con, có chồng (sinh năm 1991) đang buôn bán rong ở Campuchia, chị cho biết: muốn theo các chị ruột đi Bình Dương làm công nhân (các chị ruột đã lập gia đình và chồng các chị cùng đi ở Bình Dương) nhưng người chồng không cho. Hiện người chồng vẫn gửi tiền về (trung bình một tháng hai triệu) cho mẹ con ăn uống, nếu thiếu thì báo sẽ gửi thêm, nhưng người chồng dặn dò người vợ nên tiết kiệm trong chi tiêu. [PV: Hỏi được chu cấp đầy đủ sao không ở nhà chăm con mà xin đi làm...] Người vợ cho rằng, mình đi làm sẽ được chi tiêu thoải mái hơn *“muốn bản thân tự lập và đồng tiền mình tự làm ra, mình tiêu dễ dàng hơn, không phải tính toán dè chừng khi tiêu tiền của chồng”*. [PV: Ý rằng theo phong tục của người Chăm – chồng là trụ cột, có trách nhiệm lo chu toàn cho vợ con?]. Người vợ cho rằng, *“đạ, nhưng nay hiện đại rồi, chỉ duy nhất là không thể tự quyết định, khi chồng không cho phép, em cũng thuyết phục nhiều lần, nhưng chồng em không*

thay đổi”. *“Dù mình có làm có thu nhập thì vẫn dưới sự quyết định của chồng. Nhiều lúc chồng có những điều không đúng và chưa đúng thì mình góp ý và bàn với chồng và thuyết phục. Nhưng cuối cùng chồng vẫn là người quyết định những việc chính trong gia đình, mặc dù ít khi có ở nhà thường xuyên”* (PVS, nữ, sinh năm 1968, ấp Hà Bao 2).

Việc “Tham gia vào các hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại thu nhập cho gia đình nhiều hơn”, phía người phụ nữ có kết quả tỷ lệ đồng ý ở người vợ cao hơn người chồng (58,1% so với 56%), ở phía người đàn ông có kết quả đồng ý người chồng thấp hơn người vợ (64%; 64,9%) (Bảng 5). Với tỷ lệ chênh lệch ý kiến không nhiều nhưng cho thấy, phụ nữ cũng cho rằng họ có vai trò đem lại thu nhập gia đình và người chồng cũng đồng ý rằng người vợ đã bước ra ngoài gia đình tìm việc làm và có thu nhập. Tuy nhiên, làm việc để đem lại thu nhập cho gia đình “nhiều hơn” là trách nhiệm của đàn ông và người vợ cũng đồng thuận như vậy, và xem nam giới

đóng vai trò trụ cột kinh tế trong gia đình.

Khi phân tích về quyền quyết định giữa vợ và chồng trong gia đình, từ nhiều khía cạnh và quan điểm khác nhau, các nhà nghiên cứu thường giải thích tại sao ở hoạt động này người chồng là người có tiếng nói quyết định chính nhưng một số hoạt động khác người vợ lại là người quyết định chính. Lý thuyết phân bổ nguồn lực tương đối tập trung vào khía cạnh kinh tế với những yếu tố ảnh hưởng như học vấn, nghề nghiệp và thu nhập. Các nghiên cứu trước đã có nhận định rằng công việc của người chồng mang lại thu nhập cao hơn so với người vợ thì điều đó đồng nghĩa với việc nam giới có nhiều quyền hơn trong gia đình. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Phạm Quỳnh Hương (2012) về người dân tộc thiểu số, dựa vào đặc trưng văn hóa tộc người để giải thích hiện tượng phụ nữ dân tộc thiểu số mặc dù có khả năng tiếp cận tài chính và có thu nhập nhưng điều đó cũng không đồng nghĩa với việc làm tăng quyền của họ trong gia đình.

Ở bài viết này, không chú trọng phân tích tương quan về nghề nghiệp, về học vấn và độ tuổi. Về học vấn người Chăm có trình độ học vấn thấp, trong 178 nhân khẩu là chủ hộ/vợ chồng chủ hộ trong mẫu thì gần 1/3 là mù chữ (28,7%), gần 2/3 ở trình độ tiểu học (55,1%), và có sự khác biệt giới, tỷ lệ mù chữ nữ giới cao hơn, còn cấp tiểu học thì nam giới cao hơn. Mặc

dù cả người vợ và người chồng đều học vấn không cao nhưng dữ liệu cho thấy, khoảng cách lớn trong quyền quyết định chính của người vợ và người chồng đối với việc mua/làm/sửa chữa nhà cửa; và mua bán nhà đất, ở nhóm mù chữ thì tỷ lệ người chồng là quyết định chính cao hơn người vợ (52,9%; 29,4%) và nhóm cấp tiểu học cũng tương tự như vậy (68,6%; 31,5%). Như vậy, việc không biết chữ có thể ảnh hưởng lớn đến quyền quyết định của người vợ, nhưng người chồng không biết chữ vẫn là người quyết định chính trong việc mua/làm/sửa chữa nhà cửa và mua bán nhà đất của gia đình, và ở các công việc quan trọng khác trong gia đình cũng có kết quả tương tự.

Về độ tuổi, dữ liệu cho thấy ở người chồng trong nhóm tuổi 30 - 39 có quyền quyết định chính cao hơn (77,8%) so với người chồng ở các nhóm tuổi khác trong việc mua/làm/sửa chữa nhà cửa; và mua bán nhà đất. Trong đó tỷ lệ này của người ở nhóm tuổi 40 - 49; 50- 59; 60 trở lên lần lượt là 60%; 65,4%; 52,4%. Kết quả khảo sát độ tuổi ở người vợ cho thấy, quyền quyết định của họ trong việc mua/làm/sửa chữa nhà cửa; và mua bán nhà đất tăng rõ rệt theo tuổi, với 4 nhóm tuổi trên thì tỷ lệ lần lượt là 7,1%; 14,3%; 33,3%; 45,5%. Tuổi của người vợ càng cao thì quyền quyết định của họ tăng theo; và có thể đây là dấu vết văn hóa mẫu hệ của cộng đồng người Chăm vẫn còn nhưng không đậm nét mà đã biến đổi

nhiều, bởi các kết quả phân tích được ở phía trên cho thấy mặc dù theo văn hóa mẫu hệ nhưng lại thực hiện chế độ phụ quyền theo giáo lý Hồi giáo.

Trong tương lai gần tỷ lệ các gia đình người Chăm thực hiện mô hình cả hai vợ chồng cùng ra quyết định sẽ tiếp tục tăng lên. Song song là các hoạt động truyền thông, tập huấn về thay đổi nhận thức, thay đổi hành vi, và những biến đổi xã hội, dẫn đến những định kiến về vai trò giới sẽ giảm dần theo thời gian.

4. KẾT LUẬN

Kết quả phân tích cho thấy, quyền quyết định công việc gia đình tùy thuộc vào loại công việc: với những việc “lớn” quyền quyết định thuộc về người chồng, và nếp nghĩ này ít thay đổi, vốn chịu ảnh hưởng một phần từ giáo lý Hồi giáo. Người vợ quyết định chính những công việc hàng ngày, liên quan đến các khoản tài chính nhỏ. Quyền quyết định trong gia đình liên quan đến vấn đề người chủ gia đình. Quan niệm về người chủ gia đình có sự thay đổi chậm, phần lớn vẫn coi người đàn ông là chủ gia đình.

Quyền quyết định trong bài phân tích này ảnh hưởng bởi yếu tố văn hóa và định kiến giới. Việc gia đình phải do người vợ đảm nhiệm, bất kể là trong loại gia đình nào. Người vợ tuy cũng đã bước vào thị trường lao động và

có đóng góp vào thu nhập của gia đình nhưng không có nghĩa là trách nhiệm nội trợ sẽ giảm đi; và mặc dù mọi quyết định đều có sự tham gia của phụ nữ, song những quyết định có tính chất quan trọng dường như vẫn thuộc về chủ gia đình – người chồng.

Tuy nhiên, các số liệu đang thể hiện những tín hiệu tích cực rằng người chồng đã có những chuyển biến về nhận thức, nhìn nhận vai trò đóng góp kinh tế của người vợ trong gia đình. Chính vì thế, vị thế của người vợ dần dần được nâng cao, tiếng nói và quyền quyết định của họ trong các công việc gia đình cũng cao hơn và có những công việc được quyết định bởi cả hai vợ chồng.

Nhìn chung, cộng đồng người Chăm Hồi giáo, dù đạo luật mới, tiến bộ về hôn nhân và gia đình được thiết lập gần ba thập niên, các giá trị xã hội đã có thay đổi ít nhiều theo hướng tích cực hơn nhưng cuộc sống gia đình người Chăm vẫn đi theo con đường của họ, vẫn ngấm tuân theo tập quán, khuôn mẫu, chuẩn mực đã được xây dựng là người chồng “quyết định việc lớn” và “vợ quyết định việc nhỏ hàng ngày” đã ăn sâu vào tiềm thức của người dân. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Blood, Robert O., Wolfe, Donald. M. 1978. *Husbands & Wives: The Dynamics of Married Living*. Westport: Greenwood Press.

2. Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới, UNICEF. 2008. *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam 2006*. Hà Nội.
3. Bott, Elizabeth.1957. *Family and Social Network*. London: Tavistock.
4. Bùi Thế Cường, Đặng Thị Việt Phương và Trịnh Huy Hóa (nhóm dịch giả). *Từ điển xã hội học Oxford / Dictionary of Sociology Oxford*. 2010. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Fahd Salem Bahamman, 2014. “Cẩm nang dành cho người Muslim mới cải đạo”. *Modern Guide*, Birmingham UK.
6. Knodel, John E., Vu Manh Loi, Rukmalie Jayakody and Vu Tuan Huy. 2004. *Gender Roles in the Family: Change and Stability in Vietnam*. USA: University of Michigan.
7. Lê Thanh Sang. 2016. *Vấn đề dân số và di dân trong phát triển bền vững vùng Nam Bộ*. Viện khoa học xã hội vùng Nam Bộ. Đề tài cấp Nhà nước/Chương trình Tây Nam Bộ 2015 - 2016.
8. Mai Huy Bích, Lê Thị Kim Lan. 1999. “Địa vị phụ nữ ngư dân ở một số làng chài đánh cá miền Trung”. *Tạp chí Xã hội học*, số 3& 4.
9. Nguyễn Thị Nhung. 2003. *Cộng đồng người Chăm Hồi giáo ở Nam Bộ trong quan hệ giới và phát triển*. Chương trình nghiên cứu Việt Nam - Hà Lan (VNRP).
10. Phạm Quỳnh Hương. 2012. *Giới, tăng quyền và phát triển – Quan hệ giới từ góc nhìn của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
11. Phạm Thị Huệ. 2007. “Quyền lực của vợ chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam”. *Tạp chí Xã hội học*, số 3.
12. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp. 1991. *Văn hóa Chăm*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
13. Ủy ban nhân dân xã Đa Phước. 2020. *Báo cáo kinh tế xã hội xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang*.
14. Võ Công Nguyên. 2011. *Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Khmer, Chăm tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2015 và đến năm 2020*. Sở Khoa học Công nghệ tỉnh An Giang - Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ.
15. Võ Thị Mỹ. 2015. “Phụ nữ Chăm trong quá trình hội nhập”. *Tạp chí Khoa học*. Đại học Sư phạm TPHCM, số 1 (66), tr. 177.